

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/ DS-ST
Ngày 18/7/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Anh Ninh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Bùi Đức Quảng**

2. Ông **Nguyễn Gia Thắng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Ngọc Thủy** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Giang Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST - DS ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/ QĐHPT-ST ngày 28/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Như T**, sinh năm 1975.

HKTT: Khu 6, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Đinh Văn H**, sinh năm 1985 và chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1983.

Đều HKTT: Xóm L L, xã Đ Q, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1969.

HKTT: Khu 6, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(chị T, anh S, anh H xin xét xử vắng mặt, chị S vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Như T trình bày: Gia đình chị T có kinh doanh hàng tạp hóa, thức ăn chăn nuôi, giữa chị và vợ chồng anh H, chị S có mối quan hệ quen biết, nên vợ chồng anh H, chị S có hợp tác với gia đình chị để cung cấp thức ăn chăn nuôi cho anh chị H S nuôi gà thương phẩm. Từ khoảng năm 2018 đến năm 2021 anh chị H S đã nhiều lần lấy cám gà gia đình nhà chị, mỗi lần lấy cám hai bên có ký sổ, chốt số lượng cám, số tiền tương ứng để theo dõi. Có lần thì chị đi giao cám, có lần thì anh Sinh (chồng chị) đi giao cám, chồng chị chỉ là người đi giao cám còn việc ghi chép sổ sách, theo dõi nợ, tính toán là do chị T làm việc với vợ chồng anh H, chị S (có giấy tờ chốt sổ về số lượng cám gà, số tiền kèm theo). Đến nay tổng số tiền anh H, chị S còn nợ lại là 449.000.000đ. Chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh H, chị S phải trả số tiền cám gà còn nợ mà hai bên đã chốt lại với nhau tổng số tiền là 449.000.000đ, cho gia đình chị, chị T không yêu cầu vợ chồng anh H, chị S phải trả lãi đối với số tiền trên.

* Bị đơn anh Đinh Văn H trình bày: Thời điểm năm 2015 anh H bắt đầu mua cám chăn nuôi gà của chị T, anh Sinh, và đã trả hết tiền và không còn nợ khoản tiền nào. Đến năm 2018 ông bà T Sinh lại tiếp tục đầu tư cám cho anh H, giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau không làm hợp đồng là anh H nuôi gà đến khi xuất chuồng, ông bà T Sinh sẽ đầu tư cám chăn nuôi bằng hình thức 10-20 ngày sẽ chuyển cám đến gia đình anh H một đợt, khi chuyển cám gà đến gia đình anh H, thì hai bên sẽ chốt sổ số lượng cám tương ứng với số tiền vào sổ ông bà T Sinh tự ghi chép, tự theo dõi. Mỗi lần chuyển cám chăn nuôi chốt số lượng cám và tiền, anh H sẽ ký nhận ngay bên dưới số tiền. Có lần anh H không có nhà thì chị S là vợ anh H sẽ đứng ra nhận cám và ký sổ hộ cho anh H.

Những lần chốt sổ cám tương ứng với số tiền, nhưng anh H không nhớ cụ thể của từng lần chốt. Đến ngày 20/8/2021 giữa anh H với ông bà T Sinh có chốt nợ với nhau. Tổng số tiền anh H còn nợ là 449.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi chín triệu đồng). Anh H là người trực tiếp ký ghi họ tên để chốt số nợ trên. Sau mỗi đợt bán gà anh H cũng xác nhận có khoản thì phải trả tiền cám chăn nuôi gà, khoản thì phải tái đầu tư mua con giống, thuốc men cho gà, có một phần sử dụng để chi tiêu trong gia đình.

Mọi việc mua bán cám gà là do một mình anh H đứng ra, còn vợ anh chỉ phụ giúp anh trong việc chăn nuôi, như cho gà ăn. Những lần ông bà T Sinh đến đòi nợ nhiều lần chị S vợ anh H đều biết, giữa chị S vợ chồng ông Sinh, bà T có nói chuyện với nhau, nội dung cụ thể như thế nào anh H không được biết.

Nay ông bà T Sinh khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H phải trả số tiền 449.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi chín triệu đồng). Anh H không nhất trí trả do anh đang làm ăn thua lỗ. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Sinh trình bày: Việc mua bán cám chăn nuôi gà giữa vợ anh với vợ chồng anh H, chị S như thế nào anh không biết, anh chỉ là người đi giao cám cho vợ chồng anh H, chị S, mỗi lần đi giao anh có cầm sổ vợ đưa cho để vợ chồng anh H, chị S ký. Còn việc thống nhất mua bán, chốt số lượng cám, số tiền, chốt nợ là do vợ anh với vợ chồng anh H làm việc với nhau. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị S là vợ của anh Đinh Văn H Toà án đã tiến hành làm việc nhiều lần và giao các văn bản tố tụng của Toà án cho chị S, nhưng chị S không làm việc, không nhận hay ký bất cứ văn bản tố tụng nào của Tòa án với lý do toàn bộ việc mua cám nuôi gà là do chồng chị đứng ra làm. Thỉnh thoảng chồng chị đi vắng thì chị nhận cám hộ và ký vào sổ nợ. Chị không liên quan gì đến việc nợ cám như chị T trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn:

* Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ các quy định của pháp luật, không vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn, chấp hành nghiêm túc các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71 – BLTTDS; bị đơn (Anh H) chấp hành nghiêm túc các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 – BLTTDS (Bị đơn- chị S không chấp hành nghiêm túc các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 – BLTTDS; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành nghiêm túc các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 73 – BLTTDS.

* Về nội dung: Căn cứ các Điều 351; Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Như T. Buộc anh Đinh Văn H và chị Nguyễn Thị S phải trả cho chị T số tiền 449.000.000đ tiền nợ cám chăn nuôi gà theo sổ chốt nợ ngày 20/8/2021. Anh H, chị S không phải trả tiền lãi do chị T không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ cám chăn nuôi gà, đây là tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu thường trú và cư trú tại huyện Thanh Sơn - tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35- BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn- tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền.

Xét về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn Chị Trần Thị Như T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Sinh có đơn xin xét xử

vắng mặt ngày 17/7/2024. Bị đơn – anh Đinh Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/5/2024; chị Nguyễn Thị S được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh Sinh, anh H, chị S là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Như T: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cùng quan điểm của các đương sự trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đã chứng minh: Tổng số tiền vợ chồng anh H chị S nợ tiền cám chăn nuôi gà của gia đình chị Trần Thị Như T từ năm 2018 – 2019 là 449.000.000đ, và đã được hai bên chốt sổ vào ngày 20/8/2021. Tất cả các khoản nợ trên, nguyên đơn bà T đều tự ghi chép, tự theo dõi, bị đơn – anh H chị S đều tự ký xác nhận vào sổ tiền chốt nợ cám, số tiền nợ cám tương ứng với số cám anh chị H, S đã nhận. Anh H cũng thừa nhận hiện nay đang nợ anh chị T, Sinh số tiền 449.000.000đ hai bên đã cùng nhau chốt sổ vào ngày 20/8/2021.

* Xét quan điểm của anh H về việc nợ tiền cám chăn nuôi gà của vợ chồng chị T, anh Sinh. Theo như anh H mọi việc mua bán cám gà là do một mình anh H đứng ra, còn vợ anh chỉ phụ giúp anh trong việc chăn nuôi, như cho gà ăn, còn việc chị S có đứng ra nhận cám và ký vào sổ nhận cám và tiền nợ cám là khi đó anh đi vắng nên chị S phải đứng ra nhận hộ. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án anh H cũng thừa nhận, hiện nay gia đình anh vẫn còn nợ vợ chồng anh chị Sinh T số tiền hơn 400.000.000đ (BL 25). Điều đó chứng tỏ anh H không trung thực trong lời khai bổ sung của anh H vào ngày 24/5/2024 (BL 55). Nhằm mục đích để cho chị S trốn tránh nghĩa vụ liên đới trả nợ khoản tiền nợ cám chăn nuôi gà cho vợ chồng chị T, anh Sinh. Nguyên đơn - chị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - anh Sinh không chấp nhận ý kiến của anh H, về việc chỉ một mình anh H mua cám chăn nuôi gà của gia đình chị T, và chỉ một mình anh H nợ tiền cám chăn nuôi gà của vợ chồng anh Sinh, chị T. Để chứng minh, vợ chồng chị T đã giao nộp 04 Giấy chốt nợ số lượng cám và số tiền nợ tương ứng với số cám đã nhận do chị T tự viết, tự theo dõi và vợ chồng anh H chị S ký xác nhận nợ cho Tòa án. HĐXX xét thấy, các tài liệu chứng cứ do chị T cung cấp là tài liệu gốc do chị T tự ghi chép, tự theo dõi, và vợ chồng anh H, chị S ký nhận nợ phù hợp các tài liệu, chứng cứ trên và lời khai của vợ chồng chị T, và anh H trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nên đủ căn cứ xác định, vợ chồng anh H chị S còn nợ gia đình chị T số tiền 449.000.000đ.

* Xét ý kiến phản bác của anh H về trách nhiệm liên đới của chị S đối với số tiền vợ chồng anh H chị S nợ tiền cám chăn nuôi gà của vợ chồng chị T, anh Sinh: Tại bản tự khai bổ sung ngày 24/5/2024, anh H khẳng định việc mua bán cám chăn nuôi gà, và khoản nợ tiền cám chăn nuôi gà là do một mình anh đứng ra chăn nuôi và nợ vợ chồng chị T, anh Sinh. chị S vợ anh không liên quan gì đến việc mua bán cám và khoản nợ đó. Nhưng anh H cũng thừa nhận là khi bán được

gà, khoản dùng để trả tiền cám gà, khoản dùng để tái đầu tư chăn nuôi mua con giống và thuốc men cho việc chăn nuôi gà, còn một khoản dùng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình.

Tại biên bản xác minh của Toà án tại địa phương ngày 24/5/2024. Trưởng khu hành chính khu L L nơi anh H và chị S cư trú cũng xác nhận gia đình anh H, chị S trước đây làm nghề chăn nuôi, có trang trại chăn nuôi gà và làm nông nghiệp, Nhưng công việc chăn nuôi bị dịch bệnh, thua lỗ nên, anh H, chị S không làm nghề chăn nuôi gà từ cuối năm 2023, hiện tại anh H, chị S đang làm lao động tự do tại địa phương, khi thì làm thợ xây, phụ hồ, khi thì đi cắt chè thuê. Gia đình anh H chị S đều có ruộng nương nhưng không làm đã nhiều năm nay. Như vậy, xác định việc chăn nuôi gà là do cả hai vợ chồng anh chị H S cùng làm. Khoản nợ theo yêu cầu khởi kiện của chị T là khoản nợ chung của anh chị H S. Chị S cùng có trách nhiệm trả nợ đối với khoản nợ này.

Từ những phân tích trên HĐXX kết luận: Yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Như T đối với anh Đinh Văn H và chị Nguyễn Thị S về số tiền nợ cám chăn nuôi gà 449.000.000đ là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Như T. Buộc bị đơn anh Đinh Văn H và chị Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Trần Thị Như T và anh Nguyễn Văn Sinh số tiền nợ cám chăn nuôi gà 449.000.000đ. Anh H và chị S không phải trả lãi đối với khoản nợ trên do chị T không yêu cầu tính lãi.

[3]. Về án phí: Vì yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn – anh Đinh Văn H và chị Nguyễn Thị S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 351; Điều 430; Điều 440, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 357 - Bộ luật dân sự, Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 147- Điều 271, khoản 1 Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Như T.

Buộc anh Anh Đinh Văn H và chị Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị Như T và anh Nguyễn Văn Sinh toàn bộ số tiền nợ cám chăn nuôi gà là 449.000.000đ (bốn Trăm bốn mươi chín triệu đồng). Anh H và chị S không phải trả lãi đối với khoản nợ trên do chị T không yêu cầu.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Chị Trần Thị Như T) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành (Anh Đinh Văn H và chị Nguyễn Thị S), còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 - BLDS 2015

2. Về án phí: Anh Đinh Văn H và chị Nguyễn Thị S phải nộp 21.960.000đ (Hai mươi một triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Trần Thị Như T 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004250 ngày 30/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh + huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Anh Ninh